ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3392/KH-ĐHSP

Thái Nguyên, ngày 31 tháng 8 năm 2021

KẾ HOẠCH
Hoạt động khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế năm học 2021- 2022

Căn cứ định hướng hoạt động khoa học công nghệ (KHCN) và hợp tác quốc tế (HTQT) của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Thái Nguyên; Căn cứ Thỏa thuận thực hiện Chương trình ETEP; Căn cứ nhiệm vụ năm học và tiềm lực của đơn vị, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên (ĐHSP-ĐHTN) xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế năm học 2021-2022 như sau:

1. MỤC TIÊU

- Nâng cao hiệu quả của các chính sách thúc đẩy nghiên cứu, phát triển và đổi mới và các chính sách khuyến khích giảng viên và người học tham gia các mạng lưới quốc tế, các hội thảo, dự án, các chương trình nghiên cứu và công bố quốc tế;

- Nâng cao năng lực và hiệu quả nghiên cứu khoa học (NCKH), chuyển giao công nghệ (CGCN): tái cấu trúc và nâng cao tính hiệu quả của các nhóm nghiên cứu chuyên sâu theo hướng giải quyết các nhiệm vụ trọng tâm, có thế mạnh của nhà trường từ đó hình thành đội ngũ chuyên gia đầu ngành trên một số lĩnh vực mà Trường có thế mạnh; tăng cường hợp tác với địa phương trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; tăng số lượng và chất lượng các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong danh mục ISI/Scopus, đặc biệt là các bài báo về khoa học giáo dục, khoa học xã hội và nhân văn; nâng cao năng lực nghiên cứu, sản xuất hiệu quả bài giảng E-learning của cán bộ, giảng viên, góp phần đẩy mạnh việc tích hợp, ứng dụng kết quả nghiên cứu vào hoạt động dạy và học của giảng viên; chú trọng tới năng lực nghiên cứu của cán bộ, giảng viên trẻ;

- Kiến tạo môi trường học thuật quốc tế có sự tham gia tích cực, hiệu quả của các học giả, chuyên gia, tình nguyện viên nước ngoài;

- Nâng cao hiệu quả quản trị các hoạt động khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế với việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin.

2. NHIỆM VỤ VỀ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

2.1. Định hướng chung

a) Hoàn thiện các văn bản quản lí về khoa học công nghệ đã ban hành phù hợp với quy định hiện hành, thực tiễn phát triển của nhà trường, chú trọng tới cơ hội tham gia nghiên cứu và công bố quốc tế của các giảng viên trẻ, tạo động lực khuyến khích người học tham gia nghiên cứu khoa học;

b) Nâng cao năng lực cho cán bộ, giảng viên trong ứng dụng công nghệ thông tin để cập nhật dữ liệu nghiên cứu khoa học trên phần mềm quản lí khoa học công nghệ;

c) Tái cấu trúc các nhóm nghiên cứu chuyên sâu phù hợp với năng lực và định hướng phát triển của nhà trường, đồng thời, hỗ trợ các nhóm nghiên cứu chuyên sâu về khoa học giáo dục triển khai các nghiên cứu về đổi mới hoạt động dạy và học của giảng viên, hướng tới phát triển thương hiệu nghiên cứu khoa học riêng của Trường;

d) Nâng cao chất lượng các sản phẩm NCKH, phát huy thế mạnh của một trường đại học sư phạm chủ chốt để nâng cao chất lượng trong NCKH và CGCN cho các địa phương khu vực trung du miền núi phía Bắc:

- *Đối với nhiệm vụ KHCN cấp Quốc gia, cấp Bộ, Tỉnh và tương đương:* Đề xuất căn cứ vào các định hướng của các chương trình, dự án, đề án thuộc Chính phủ, các bộ, ngành, quỹ Nafosted,... Sản phẩm nghiên cứu cần hướng đến: (1) Các công bố khoa học chất lượng cao trên các tạp chí trong danh mục ISI/Scopus; (2) Kết quả được đăng ký phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích; (3) Xuất bản sách chuyên khảo phục vụ đào tạo của nhà trường; (4) Khuyến khích HTQT và công bố chung với các nhà khoa học quốc tế; (5) Kết quả có ứng dụng vào thực tiễn và CGCN, ưu tiên giải quyết các vấn đề đổi mới giáo dục và đào tạo, giải quyết các vấn đề đặt hàng của địa phương góp phần phát triển kinh tế - xã hội..

- *Đối với nhiệm vụ KHCN cấp Đại học và cấp Trường:* Đề xuất nghiên cứu dựa trên các nhiệm vụ KHCN trọng tâm của nhà trường. Một số hướng nghiên cứu ưu tiên là: Phát triển chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; Đổi mới phương pháp dạy học, hình thức kiểm tra, đánh giá người học; Đổi mới quản trị nhà trường trong bối cảnh tăng cường tự chủ đại học; Các giải pháp nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên của nhà trường; Nghiên cứu phát triển thị trường đào tạo, bồi dưỡng,... Sản phẩm cần hướng đến: (1) Các công bố khoa học chất lượng cao trên các tạp chí quốc tế hoặc các tạp chí quốc gia có uy tín (có điểm từ 0,75 trở lên theo đánh giá của Hội đồng Giáo sư Nhà nước); (2) Kết quả có ứng dụng vào đổi mới các hoạt động của nhà trường, góp phần nâng cao năng lực nhà trường theo bộ chỉ số phát triển trường sư phạm (TEIDI); (3) Chuyển giao phục vụ công tác bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và theo nhu cầu của các địa phương; (4) Bài giảng E-learning phục vụ đổi mới chương trình đào tạo của nhà trường.

- *Đối với NCKH của người học:* Hướng đến bồi dưỡng năng lực nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp của người học. Sản phẩm cần hướng đến: (1) Đổi mới phương pháp dạy và học đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông 2018; (2) Nghiên cứu giáo dục STEM; (3) Đề xuất các mô hình đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp của người học; (4) Nghiên cứu bảo tồn, phát huy, khai thác bền vững những giá trị lịch sử, văn hóa của nhân dân khu vực trung du miền núi phía Bắc;

(5) Tham gia các nhiệm vụ KHCN của giảng viên hướng đến tham gia công bố trên các tạp chí khoa học có uy tín.

e) Nâng cao chất lượng công tác xuất bản giáo trình, bài giảng E-learning phục vụ đổi mới chương trình đào tạo, bồi dưỡng;

g) Tiếp tục duy trì tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học, seminar chuyên đề có yếu tố nước ngoài, tăng cường tổ chức theo hình thức trực tuyến.

2.2. Một số chỉ tiêu chính đối với hoạt động KHCN

a) Số lượng văn bản quản lí về KHCN được sửa đổi, bổ sung và chỉ tiêu về ứng dụng công nghệ thông tin để cập nhật dữ liệu nghiên cứu khoa học:

- Sửa đổi, bổ sung 01-02 văn bản quản lí về KHCN;
- 100% GV cập nhật đủ dữ liệu lên hệ thống phần mềm quản lí khoa học.

b) Chỉ tiêu liên quan tới nhóm nghiên cứu chuyên sâu và số lượng nhiệm vụ KHCN:

- Đề xuất mới 01 nhóm nghiên cứu chuyên sâu;
- Phát triển 01 nhóm nghiên cứu chuyên sâu theo định hướng phát triển thương hiệu nghiên cứu khoa học riêng của Trường;
- Đề xuất 01-02 nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước/Nafosted, 02-05 nhiệm vụ KHCN cấp Bộ, cấp Tỉnh;
- Triển khai thực hiện 05-07 nhiệm vụ KHCN cấp Đại học;
- Triển khai thực hiện 20-30 nhiệm vụ KHCN cấp Cơ sở (gắn với với công tác đào tạo, chuyển giao hoặc tư vấn chính sách theo đặt hàng của Trường).

c) Công bố khoa học và đăng kí sở hữu trí tuệ:

- Công bố 200-250 bài báo khoa học, trong đó đăng tải từ 60-80 bài báo quốc tế (30-40 bài báo thuộc danh mục ISI/Scopus), trong đó có 10-15 bài báo quốc tế về khoa học giáo dục trên các tạp chí thuộc danh mục ISI/Scopus
- Hỗ trợ 01-02 đơn đăng kí sở hữu trí tuệ

d) Xuất bản giáo trình, bài giảng E-learning:

- Xuất bản từ 15-20 giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo phục vụ đào tạo của Trường;
- Triển khai thực hiện mới 30-50 tín chỉ bài giảng E-learning phục vụ đào tạo.

e) Nghiên cứu khoa học của sinh viên:

- Triển khai thực hiện từ 80-100 đề tài sinh viên NCKH;
- Tổ chức xét giải thưởng sinh viên NCKH cấp Trường;
- 01-03 đề tài NCKH sinh viên tham gia xét giải thưởng NCKH sinh viên cấp Bộ.

g) Hợp tác và chuyển giao KHCN:

- Kí kết 01-02 biên bản hợp tác với các tỉnh, 03-05 biên bản ghi nhớ với các cơ sở giáo dục về KH&CN/doanh nghiệp, có ít nhất 5 đề tài KH&CN của giảng viên được chuyển giao kết quả nghiên cứu cho các cơ sở giáo dục hoặc doanh nghiệp.

h) Tổ chức hội thảo, hội nghị, tập huấn và seminar khoa học:

- Tổ chức 01 hội thảo khoa học quốc gia;
- Tổ chức 01 hội thảo quốc tế về đổi mới trong đào tạo giáo viên;
- Đồng tổ chức 01 hội thảo quốc tế với đối tác nước ngoài;
- Tổ chức 01 hội nghị nghiên cứu khoa học sinh viên năm học 2021-2022;
- Tổ chức 07-10 hội nghị, hội thảo/seminar chuyên đề cấp Khoa;
- Tổ chức 01-02 khóa tập huấn cho giảng viên về nâng cao năng lực viết đề xuất, thuyết minh nhiệm vụ KHCN và công bố quốc tế;
- Tổ chức 01-02 lớp tập huấn về xây dựng bài giảng E-learning cho GV tham gia thực hiện bài giảng;
- Tổ chức 01 lớp tập huấn về đăng kí sở hữu trí tuệ.

2.3. Biện pháp thực hiện

a) Biện pháp 1: Hoàn thiện các văn bản quản lý về KHCN phù hợp với Luật Giáo dục đại học sửa đổi; Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý KHCN

- Chỉnh sửa, bổ sung các văn bản quản lý KHCN và các chính sách hỗ trợ cán bộ, giảng viên, người học phù hợp với quy định hiện hành, chú trọng tới cơ hội tham gia nghiên cứu và công bố quốc tế của các giảng viên trẻ, tạo động lực khuyến khích người học tham gia nghiên cứu khoa học;
- Tập huấn về ứng dụng công nghệ thông tin để cập nhật dữ liệu nghiên cứu khoa học trên phần mềm quản lí khoa học công nghệ cho cán bộ giảng viên;
- Cập nhật cơ sở dữ liệu NCKH của cán bộ, giảng viên và người học trên phần mềm của nhà trường nhằm hỗ trợ công tác quản lý KHCN, cung cấp thông tin KHCN cho cán bộ, giảng viên và người học.

b) Biện pháp 2: Thực hiện tái cấu trúc các nhóm nghiên cứu chuyên sâu và hỗ trợ các nhóm nghiên cứu chuyên sâu về khoa học giáo dục triển khai các nghiên cứu về đổi mới hoạt động dạy và học của giảng viên

- Rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các nhóm nghiên cứu chuyên sâu trong năm học 2020-2021;
- Tái cấu trúc và xây dựng kế hoạch hoạt động của các nhóm nghiên cứu chuyên sâu;
- Đề xuất thành lập nhóm nghiên cứu chuyên sâu mới đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, đổi mới và phát triển;
- Xây dựng các nhiệm vụ đặt hàng nhóm nghiên cứu chuyên sâu để giải quyết nhiệm vụ trọng tâm phù hợp với thế mạnh nghiên cứu và chiến lược phát triển KHCN của nhà trường.

c) Biện pháp 3: Nâng cao năng lực NCKH, công bố quốc tế, đăng kí sở hữu trí tuệ và đổi mới sáng tạo cho cán bộ, giảng viên

- Tổ chức hội thảo tập huấn về nâng cao năng lực cho cán bộ, giảng viên về NCKH, viết và đăng bài báo trên các tạp chí quốc tế có uy tín, phân tích và xử lý số

liệu NCKH, viết đề xuất đề tài/dự án nghiên cứu trong và ngoài nước theo các hướng nghiên cứu Trường có thế mạnh, đặc biệt là lĩnh vực khoa học giáo dục;

- Tăng cường hợp tác NCKH với các viện nghiên cứu, trường đại học, nhóm nghiên cứu ở ngoài nước. Khuyến khích và hỗ trợ các công bố khoa học chung với các nhà khoa học ở nước ngoài;

- Tăng cường công tác tập huấn công tác về đăng kí sở hữu trí tuệ và đổi mới sáng tạo cho cán bộ giảng viên. Hỗ trợ giảng viên đăng kí sở hữu trí tuệ;

- Tổ chức xét khen thưởng, biểu dương đối với các cán bộ, giảng viên đăng tải nhiều bài báo quốc tế nằm trong danh mục ISI/Scopus.

d) Biện pháp 4: Tăng cường hợp tác vùng, địa phương và HTQT trong NCKH; Phát triển các đề tài, dự án nghiên cứu có sự hỗ trợ của các đối tác, tổ chức quốc tế

- Xây dựng kế hoạch hợp tác với các địa phương trong nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, đồng thời, ưu tiên đặt hàng các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học phục vụ nhu cầu của các địa phương hướng tới thương mại khóa kết quả nghiên cứu;

- Triển khai các hoạt động hợp tác với các trường phổ thông trong khai thác phòng thí nghiệm Lý-Hóa- Sinh, phát triển giáo dục STEM, hướng dẫn học sinh phổ thông nghiên cứu khoa học.

- Xây dựng kế hoạch và nội dung hợp tác trong NCKH với các đối tác quốc tế.

- Thu hút các chuyên gia, nhà khoa học là người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia các chương trình, dự án nghiên cứu, đào tạo nhân lực KH&CN, trong đó chú trọng đến các nhóm nghiên cứu khoa học trẻ.

- Tư vấn, hỗ trợ, hướng dẫn cán bộ, giảng viên tham gia viết đề xuất các đề tài, dự án nghiên cứu có sự tài trợ của các đối tác, tổ chức quốc tế.

e) Biện pháp 5: Đẩy mạnh đặt hàng các nhiệm vụ NCKH cấp cơ sở gắn với xây dựng bài giảng E-learning hướng tới đổi mới chương trình đào tạo của Trường

- Đề xuất các nhiệm vụ NCKH cấp cơ sở về xây dựng và chuyển giao bài giảng E-learning;

- Tập huấn cho giảng viên về xây dựng bài giảng E-learning;

- Xây dựng lộ trình thực hiện và nghiệm thu bài giảng E-learning;

g) Biện pháp 6: Phối hợp với các đối tác trong và ngoài nước, tổ chức hiệu quả các hội thảo khoa học, hội nghị khoa học, hội thảo chuyên đề có yếu tố nước ngoài theo hình thức trực tuyến

- Phối hợp với các viện nghiên cứu, các trường đại học trong và ngoài nước, các địa phương có hợp tác để tổ chức một số hoạt động, sự kiện KHCN (hội thảo, hội nghị, seminar chuyên đề, triển lãm, diễn đàn, trao đổi thông tin khoa học,…).

- Tổ chức hội thảo quốc tế về khoa học giáo dục: Đổi mới trong đào tạo giáo viên (ICTER) lần thứ tư.

- Khuyến khích cán bộ, giảng viên tham dự và báo cáo tại các hội thảo khoa học trong nước và quốc tế. Trường hỗ trợ một phần kinh phí tham dự hội thảo quốc tế

đối với các cán bộ, giảng viên được mời báo cáo và bài báo cáo được công bố trên các tạp chí quốc tế hoặc kỷ yếu hội thảo quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus.

- Tổ chức các hội thảo tập huấn về kĩ năng nghiên cứu khoa học, kĩ năng viết và đăng bài báo trên các tạp chí quốc tế, kĩ năng phân tích và xử lý số liệu nghiên cứu khoa học, kĩ năng đề xuất đề tài/dự án nghiên cứu trong và ngoài nước,…

h) Biện pháp 7: Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất phục vụ triển khai các nhiệm vụ KHCN

- Đề xuất giải pháp, xây dựng đề án đề tăng cường cơ sở vật chất để triển khai các nhiệm vụ KHCN, xây dựng modul phần mềm quản lí trang thiết bị thực hành thí nghiệm online.

3. NHIỆM VỤ HỢP TÁC QUỐC TẾ

3.1. Định hướng chung

a) Xây dựng môi trường pháp lí và tạo động lực để giảng viên và người học tham gia các mạng lưới quốc tế, các hội thảo, dự án, các chương trình nghiên cứu và công bố quốc tế;

b) Tăng cường sự tham gia của học giả, chuyên gia, tình nguyện viên nước ngoài trong phát triển chương trình đào tạo, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, công bố kết quả nghiên cứu và nâng cao năng lực cán bộ, giảng viên trong bối cảnh COVID-19;

c) Nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh trong chuyên môn và năng lực hợp tác quốc tế của cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học;

d) Tăng cường trải nghiệm trong môi trường sống đa văn hóa, môi trường học tập và làm việc quốc tế cho sinh viên, học viên và hỗ trợ, tư vấn cho sinh viên nước ngoài;

e) Xây dựng các quy trình thực hiện hoạt động hợp tác quốc tế theo chuẩn ISO và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quảng bá, tuyển sinh, quản lý và đào tạo lưu học sinh;

g) Xây dựng chính sách học phí và áp dụng mức học phí linh hoạt nhưng không vượt quá mức của năm học 2020-2021 và cấp học bổng để thu hút lưu học sinh đến học tập tại Trường.

3.2. Một số chỉ tiêu chính đối với hoạt động HTQT

a) Số lượng văn bản quản lí được điều chỉnh, bổ sung, số lượng đoàn ra, đoàn vào và số lượng biên bản thỏa thuận hợp tác được kí mới

- Điều chỉnh, bổ sung từ 01-02 văn bản quản lí trong lĩnh vực hợp tác quốc tế;
- Tiếp nhận 04-06 đoàn vào;
- Cử 01-03 đoàn ra;
- Kí kết từ 02-03 biên bản thỏa thuận hợp tác với đối tác nước ngoài;
- Triển khai ít nhất 01 hợp tác theo biên bản thỏa thuận đã kí.

b) Số lượng đề xuất dự án, chương trình liên kết quốc tế, chương trình trao đổi giảng viên, sinh viên, khóa tập huấn có yếu tố nước ngoài

- Đề xuất 01-02 dự án quốc tế và ít nhất 01 đề xuất được phê duyệt;
- Xây dựng 01 chương trình liên kết đào tạo quốc tế;
- Xây dựng 01 chương trình trao đổi giảng viên, sinh viên trực tuyến;
- Thu hút 10-20 giảng viên, sinh viên tham gia chương trình trao đổi ngắn hạn;
- Tổ chức 01 khóa tập huấn có yếu tố nước ngoài nâng cao năng lực quản trị đại học, kĩ năng quản lí.

c) Khóa học tiếng Anh cho cán bộ, giảng viên, số lượng các seminar chuyên môn bằng tiếng Anh cấp khoa, hội thảo chuyên đề có yếu tố nước ngoài cấp khoa

- Thực hiện 01 khóa học tiếng Anh trực tuyến với đối tác Úc cho cán bộ, giảng viên;
- Tổ chức 10-20 seminar chuyên môn bằng tiếng Anh cấp khoa;
- Tổ chức 01-02 hội thảo chuyên đề có yếu tố nước ngoài cấp khoa.

d) Số lượng hoạt động trải nghiệm, ngoại khóa, giao lưu văn hóa quốc tế

- Xây dựng và tổ chức thực hiện 01-03 chương trình, hoạt động trải nghiệm, ngoại khóa, giao lưu văn hóa quốc tế cho sinh viên, học viên;
- Xây dựng và tổ chức 01 chương trình tư vấn, hỗ trợ cho sinh viên nước ngoài.

e) Số lượng quy trình được xây dựng theo chuẩn ISO, số lượng bài giảng E-learning trong đào tạo, bồi dưỡng tiếng Việt cho người nước ngoài, số lượng poster, clip quảng bá, truyền thông

- Xây dựng 01-03 quy trình hợp tác quốc tế theo chuẩn ISO;
- Xây dựng 02 bài giảng E-learning bồi dưỡng tiếng Việt cho người nước ngoài;
- Xây dựng 01 poster, 01 clip quảng bá, truyền thông bằng tiếng nước ngoài.

g) Thu hút từ 80-100 lưu học sinh đến Trường học tập, trong đó có khoảng 40-50 lưu học sinh học dự bị tiếng Việt; khoảng 40-50 lưu học sinh học hệ đào tạo đại học và sau đại học. Trong đó có khoảng 01-02 lưu học sinh được cấp suất học bổng toàn phần. Đối với mỗi bậc học, cấp tối đa 15 suất học bổng miễn giảm lệ phí kí túc xá (đã bao gồm 30kwh điện và 5m3 nước), phí bảo hiểm thân thể của lưu học sinh trong thời gian học theo quy định (12 tháng đối với dự bị tiếng Việt, 4 năm đối với đại học, 2 năm đối với cao học, 3 năm đối với nghiên cứu sinh). Áp dụng mức học phí cụ thể đối với lưu học sinh diện tự túc kinh phí từng hệ: 20.3 triệu đồng/khóa học/LHS đối với hệ dự bị tiếng Việt; 73.2 triệu đồng/khóa học/4 năm/LHS đối với hệ đại học; 44.6 triệu đồng/khóa học/2 năm/LHS đối với bậc học cao học; 115.9 triệu đồng/khóa học/3 năm/LHS đối với bậc học nghiên cứu sinh.

3.3. Biện pháp thực hiện

a) Biện pháp 1: Rà soát, đánh giá hiệu quả và hoàn thiện các văn bản quản lí trong lĩnh vực hợp tác quốc tế; kí kết các văn bản hợp tác với đối tác nước ngoài chú trọng tới các nội dung tạo môi trường, động lực để giảng viên, người học tham gia các mạng lưới quốc tế, các hội thảo, dự án, các chương trình nghiên cứu và công bố quốc tế

- Điều chỉnh, bổ sung văn bản quản lí hoạt động hợp tác quốc tế phù hợp với Luật Giáo dục đại học sửa đổi và phù hợp với mục tiêu phát triển;

- Lựa chọn đối tác phù hợp và kí kết các biên bản thỏa thuận hợp tác chú trọng tới nội dung trao đổi giảng viên, trao đổi sinh viên;

b) Biện pháp 2: Huy động nguồn lực phát triển các chương trình liên kết quốc tế, chương trình mời học giả, chuyên gia nước ngoài tham gia giảng dạy, tập huấn, nghiên cứu khoa học, công bố chung và các chương trình trao đổi sinh viên, học viên bằng hình thức trực tuyến;

- Tăng cường hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu ở nước ngoài trong đào tạo, NCKH và bồi dưỡng giảng viên;

- Hình thành nhóm viết đề xuất dự án, mạng lưới cộng tác viên hợp tác quốc tế là giảng viên tốt nghiệp thạc sĩ, tiến sĩ ở nước ngoài và xây dựng các đề xuất dự án để huy động nguồn lực trong thực hiện các chương trình liên kết quốc tế, mời chuyên gia nước ngoài giảng dạy, tập huấn, nghiên cứu;

- Khảo sát nhu cầu và xây dựng chương trình liên kết quốc tế hai bên cùng cấp bằng với đối tác nước ngoài;

- Rà soát, đánh giá và hoàn thiện các chương trình trao đổi giảng viên, trao đổi sinh viên, các khóa bồi dưỡng ngắn hạn bằng hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến với các viện nghiên cứu, trường đại học ở nước ngoài;

c) Biện pháp 3: Phối hợp với đối tác nước ngoài tổ chức các khóa học bồi dưỡng tiếng Anh cho cán bộ giảng viên; tổ chức các seminar chuyên môn bằng tiếng Anh cấp khoa và hội thảo chuyên đề có yếu tố nước ngoài cấp khoa

- Xây dựng đề xuất xin học bổng và tổ chức khóa học bồi dưỡng tiếng Anh trực tuyến cho cán bộ giảng viên;

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức các seminar chuyên môn bằng tiếng Anh cấp khoa, hội thảo chuyên đề có yếu tố nước ngoài cấp khoa.

d) Biện pháp 4: Tăng cường các chương trình trao đổi, tổ chức hoạt động trải nghiệm văn hóa quốc tế cho sinh viên, học viên và xây dựng các chương trình hỗ trợ, tư vấn cho lưu học sinh

- Xây dựng các chương trình 2+ 1+ 1, chương trình trải nghiệm ngôn ngữ, văn hóa Việt Nam bằng hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến với đối tác nước ngoài;

- Phối hợp với đối tác nước ngoài trong tổ chức hoạt động trải nghiệm ngôn ngữ, văn hóa nước ngoài cho sinh viên, học viên Việt Nam;

- Tổ chức các hoạt động ngoại khóa giúp sinh viên nước ngoài có cơ hội thực hành tiếng Việt, trải nghiệm văn hóa Việt Nam và quảng bá, giao lưu văn hóa quốc tế;

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức các chương trình hỗ trợ, tư vấn cho lưu học sinh.

e) Biện pháp 5: Xây dựng quy trình hợp tác quốc tế theo chuẩn ISO; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lí lưu học sinh; phát triển các bài giảng E-learning trong

đào tạo, bồi dưỡng tiếng Việt cho người nước ngoài; ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt cho người nước ngoài

- Nghiên cứu kinh nghiệm trong nước và quốc tế, xây dựng các quy trình thực hiện hoạt động hợp tác quốc tế theo chuẩn ISO;

- Xây dựng kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lí lưu học sinh;

- Xây dựng kế hoạch thực hiện bài giảng E-learning cho một số học phần đào tạo, bồi dưỡng tiếng Việt cho người nước ngoài;

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thi một số kĩ năng tiếng Việt trên máy tính hoặc trực tuyến.

g) Biện pháp 6: Quảng bá, truyền thông tới sinh viên nước ngoài qua các poster, clip và thực hiện chính sách học bổng cho lưu học sinh

- Xây dựng các poster, clip quảng bá, truyền thông, tuyển sinh sinh viên nước ngoài bằng nhiều thứ tiếng và thực hiện việc quảng bá, truyền thông qua các kênh thông tin khác nhau;

- Xây dựng thông báo học bổng năm học 2021-2022 cho lưu học sinh và gửi tới các cơ sở đối tác của Lào.

4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

a) Phòng KH-CN&HTQT: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trong Trường xây dựng kế hoạch chi tiết cho từng hoạt động, tổ chức thực hiện bám sát các chỉ tiêu chính cần đạt của từng hoạt động và xây dựng báo cáo tổng kết, đánh giá hiệu quả các hoạt động vào cuối năm học.

b) Các Khoa: Trên cơ sở kế hoạch KHCN và HTQT của Trường, các đơn vị xây dựng kế hoạch năm học bám sát các chỉ tiêu chính cần đạt của Trường theo từng hoạt động; Phối hợp với phòng KH-CN&HTQT trong quản lí, giám sát tiến độ thực hiện các hoạt động KHCN và HTQT trong năm học.

c) Các đơn vị khác trong Trường: Phối hợp với phòng KH-CN&HTQT trong xây dựng kế hoạch, lập dự toán, triển khai thực hiện các hoạt động và đánh giá kết quả của hoạt động theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch hoạt động KHCN và HTQT của Trường, đề nghị các đơn vị, tổ chức KHCN trong Trường triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc bản Kế hoạch này. Lộ trình triển khai các hoạt động trong bản Kế hoạch này được thể hiện trong Sơ đồ hoạt động KHCN và hợp tác quốc tế kèm theo.

Nơi nhận:
- Các Phó Hiệu trưởng (để c/đ);
- Thường trực Hội đồng Trường (để p/h c/đ);
- Các đơn vị trong Trường (để th/h);
- Website Trường (để t/b);
- Lưu: VT, KH-CN&HTQT (05).

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

PGS.TS. Mai Xuân Trường